

Số: /UBND-KT

Bình Định, ngày tháng năm 2020

V/v đánh giá kết quả thực hiện
việc sử dụng vốn NSTW hỗ trợ
thực hiện các dự án gia cố hệ
thống đê điều xung yếu giai đoạn
2016-2020 của tỉnh Bình Định

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và PTNT

Thực hiện Văn bản số 1098/BNN-PCTT ngày 14/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện việc sử dụng vốn NSTW hỗ trợ thực hiện các dự án gia cố hệ thống đê điều xung yếu giai đoạn 2016-2020. Sau khi rà soát UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo như sau:

1. Đánh giá kết quả thực hiện

- Tổng số dự án, hạng mục gia cố đê điều xung yếu: 59 dự án.
- Tổng kinh phí thực hiện: 603,45 tỷ đồng; trong đó: Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ giai đoạn 2016-2020 là 443 tỷ đồng.
- Tổng chiều dài đê, kè đã nâng cấp, sửa chữa: 55,45 km; trong đó, đã thi công hoàn thành 36,60 km.

Các công trình đã khắc phục các vị trí xung yếu trên các tuyến đê, kè góp phần trong việc bảo vệ cho 54.618 người dân, 3.854 ha đất sản xuất và các công trình hạ tầng quan trọng.

2. Đề xuất danh mục, thứ tự ưu tiên các công trình đê điều xung yếu:

- Tổng số dự án vị trí xung yếu cần sửa chữa, khắc phục: 13 dự án.
- Tổng kinh phí thực hiện: 546 tỷ đồng.
- Tổng chiều dài đê, kè cần nâng cấp, sửa chữa: 26,0 km.

(Chi tiết như phụ lục kèm theo)

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục PCTT;
- CT, PCT Trần Châu;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

[illegible]

TT	Tên Dự án/ hạng mục	Xã, phường, thị trấn	Vị trí (Tọa độ điểm đầu – cuối trên bản đồ Google Earth)	Chiều dài (km)	Tuyến đê bảo vệ diện tích (ha)	Tuyến đê bảo vệ số dân (người)	Nguồn vốn (triệu đồng)				Quyết định phê duyệt dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian khởi công – hoàn thành
							Trung ương	Tỉnh	Huyện	xã			
1	Đê Sông La Tinh (đoạn từ thôn Vạn Thái đến thôn Vĩnh Lý)	xã Mỹ Chánh	14°05'34" - 14°06'26" Vĩ độ Bắc đến 109°03'29" -109°05'19" Kinh độ Đông.	2,46	100		25.000	1.239	1830		Quyết định số 3627/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND tỉnh	Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh	2015-2017
2	Kè chống xói lở suối Kiều Duyên	xã Mỹ Hiệp	14°07'53" Vĩ độ Bắc đến 109° 03'18" Kinh độ Đông	0,21	40		1.000		450		Quyết định số 9421/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của UBND huyện Phù Mỹ	Quyết định số 6416/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND huyện Phù Mỹ	2018
3	Kè chống xói lở suối Bình Trị, thị trấn Phù Mỹ	Thị trấn Phù Mỹ	14° 10' 48" ÷ 14° 10' 02" Vĩ độ Bắc; 109° 03' 14" ÷ 109° 03' 19" Kinh độ đông	1,28		1.600	4.000	1.250	4255		Quyết định số 134/QĐ-SKHĐT ngày 28/6/2018 của Sở KH và ĐT	Quyết định số 267/QĐ-STC ngày 30/9/2019 của Sở Tài chính	2017 - 2018
4	Đê Sông Cạn	xã Mỹ Chánh	14°08'44" Vĩ độ Bắc; 109° 08'14" Kinh độ Đông; 14°08'57" Vĩ độ Bắc; 109° 08'23" Kinh độ Đông.	0,44		400	1.000		2000		Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND huyện Phù Mỹ		2019

TT	Tên Dự án/ hạng mục	Xã, phường, thị trấn	Vị trí (Tọa độ điểm đầu – cuối trên bản đồ Google Earth)	Chiều dài (km)	Tuyến đê bảo vệ diện tích (ha)	Tuyến đê bảo vệ số dân (người)	Nguồn vốn (triệu đồng)				Quyết định phê duyệt dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian khởi công – hoàn thành
							Trung ương	Tỉnh	Huyện	xã			
5	Kè suối đập dâng Bến Ngái	xã Mỹ Hiệp	14°06'14,7" đến 14° 06'17,3" vĩ độ Bắc; 109° 02'26,3" đến 109°02'36,7" Kinh độ Đông.	0,62		1.200	1.000		121		Quyết định số 4548/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND huyện Phù Mỹ		2019
V	HUYỆN PHÙ CÁT												
1	Khắc phục sa bồi, thủy phá và sửa chữa đê cầu Nha Đá	xã Cát Tân		0,65	15	150	1.530	1.000	5.267		Quyết định số 109/QĐ-SKHĐT, ngày 11/7/2017 của Sở KH và ĐT		25/7/2017-15/5/2018
2	Xây dựng đê sông Đại An, thôn Đại Hào, xã Cát Nhơn	Xã Cát Nhơn		0,081	150	250	1500		600		Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND huyện Phù Cát	Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của UBND huyện Phù Cát	9/2017 - 10/2017
3	Sửa chữa, nâng cấp đê sông Đại An (đoạn từ đê sông Sa đến khẩu bờ Huỳnh)	Xã Cát Hưng		1,17	200	512	3600		5.021		Quyết định số 230/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2017 của Sở KH và ĐT		17/01/2018-30/10/2018

[illegible]

TT	Tên Dự án/ hạng mục	Xã, phường, thị trấn	Vị trí (Tọa độ điểm đầu – cuối trên bản đồ Google Earth)	Chiều dài (km)	Tuyến đê bảo vệ diện tích (ha)	Tuyến đê bảo vệ số dân (người)	Nguồn vốn (triệu đồng)				Quyết định phê duyệt dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian khởi công – hoàn thành
							Trung ương	Tỉnh	Huyện	xã			
1	Kè Thành Văn	phường Nhon Hưng		1,112	350	512	5.000			4.235	Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của phường Nhon Hưng	Đang thi công	2019-2020
2	Kè Bàu Vườn	xã Nhon Phúc		0,490	46	165	2.200			3.484	Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của xã Nhon Phúc	Đã phê duyệt dự toán	2018-2019
3	Đê Bờ Thơm	xã Nhon Phong		0,700	45	320	1.500			600	xã Nhon Phong chủ đầu tư	Đang gửi kiểm toán	2019
4	Kè Thành Văn	phường Nhon Hưng		0,256	350	512	800			521	Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của phường Nhon Hưng	Đã phê duyệt quyết toán	2017-2018
5	Kè sông Gò Chàm (đoạn nối tiếp), khu vực Phò An, phường Nhon Hưng	phường Nhon Hưng		0,650	25	312	1.000	1.000	2.084	893	Quyết định số 197/QĐ-SKHĐT ngày 21/9/2018 của Sở KH và ĐT	Đang gửi kiểm toán	2018-2019

TT	Tên Dự án/ hạng mục	Xã, phường, thị trấn	Vị trí (Tọa độ điểm đầu – cuối trên bản đồ Google Earth)	Chiều dài (km)	Tuyến đê bảo vệ diện tích (ha)	Tuyến đê bảo vệ số dân (người)	Nguồn vốn (triệu đồng)				Quyết định phê duyệt dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian khởi công – hoàn thành
							Trung ương	Tỉnh	Huyện	xã			
6	Đê Bờ Mọ, thôn Trung Lý, xã Nhơn Phong	xã Nhơn Phong		0,420	25	120	900	1.000	1.437	615	Quyết định số 5438/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của thị xã	Đã phê duyệt quyết toán	2017-2019
7	Kè bờ Ôi khu vực Hòa Cư, phường Nhơn Hưng	phường Nhơn Hưng		0,220	10	75	300	500	475	203	Quyết định số 5439/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của thị xã	Đã phê duyệt quyết toán	2017-2019
8	Kè Dinh Cô, thôn Cẩm Văn, phường Nhơn Hưng, TX. An Nhơn	phường Nhơn Hưng		0,352	350	512	1.200			1.691	Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của phường Nhơn Hưng	Đã phê duyệt quyết toán	2017-2018
9	Xây dựng kè ngọc Thạch, xã Nhơn Thọ	xã Nhơn Thọ		0,456	30	150	2.500		1.005		Quyết định số 3708/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của thị xã	Đã phê duyệt quyết toán	2017-2019
10	Khắc phục kè thôn Đại Bình, xã Nhơn Mỹ	xã Nhơn Mỹ		0,200	35	90	500			150	Xã Nhơn Mỹ chủ đầu tư	Đã phê duyệt quyết toán	2017
11	Khắc phục đê đoạn cống Thị Nhâm, xã Nhơn Khánh	xã Nhơn Khánh		0,150	39	30	500		190		Xã Nhơn Khánh chủ đầu tư	Đã phê duyệt quyết toán	2017

TT	Tên Dự án/ hạng mục	Xã, phường, thị trấn	Vị trí (Tọa độ điểm đầu – cuối trên bản đồ Google Earth)	Chiều dài (km)	Tuyến đê bảo vệ diện tích (ha)	Tuyến đê bảo vệ số dân (người)	Nguồn vốn (triệu đồng)				Quyết định phê duyệt dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian khởi công – hoàn thành
							Trung ương	Tỉnh	Huyện	xã			
12	Khắc phục đê Thanh Liêm, xã Nhơn An	xã Nhơn An		0,300	25	89	200		120		xã Nhơn An Chủ đầu tư	Đã phê duyệt quyết toán	2017
13	Kè chống xói lở bờ sông Vắn Lãng, bờ Bắc kênh Cầu Dương, xã Nhơn Hạnh, TX. An Nhơn	xã Nhơn Hạnh		0,793	50	512	7.000		951		Quyết định số 318/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2013 của Sở KH và ĐT	Đã phê duyệt quyết toán	2014-2016
VIII	HUYỆN TUY PHƯỚC												
1	Đê và Đập dâng đập ngăn mặn Nha Phu; Hạng mục: Kênh tiêu hạ lưu cầu Tấn Võ, kênh tưới tiêu và đê Bờ hữu đoạn đầu	Phước Quang - Phước Hoà	13°53'48-109°11'14	0,68	160	1.545	20.000	350	1.774	0	Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 Chủ tịch UBND tỉnh	Đang quyết toán	2016-2019
2	Đê sông Hà Thanh (Đoạn dọc sông xóm 3 Phước Thành)	Phước Thành	13°46'03 - 109°07'28	1,77	175	1.765	1.700	18.647	3.186	0	Quyết định số 4367/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 Chủ tịch UBND tỉnh	Đang thi công	2017-2020

[illegible]

TT	Tên Dự án/ hạng mục	Xã, phường, thị trấn	Vị trí (Tọa độ điểm đầu – cuối trên bản đồ Google Earth)	Chiều dài (km)	Tuyến đê bảo vệ diện tích (ha)	Tuyến đê bảo vệ số dân (người)	Nguồn vốn (triệu đồng)				Quyết định phê duyệt dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian khởi công – hoàn thành
							Trung ương	Tỉnh	Huyện	xã			
1	Kè thôn Kinh tế mới xã Canh Vinh (giai đoạn 2)	Canh Vinh	Đầu 13°41'56" 109°2'38" Cuối 13°41'46" 109°2'53"	0,80			1.470	2.700			Quyết định số 298/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2017 của Sở KH và ĐT	Số 191/QĐ-STC ngày 08/8/2019 của Sở Tài chính	20/7/2018-15/01/2019
2	Kè trạm bơm Gò Bồi đến cầu Nhè Hà, xã Canh Vinh	Canh Vinh	Đầu 13°44'31"109°6'26" Cuối 13°44'37"109°6'39"	0,53			1.484				Quyết định số 202/QĐ-SKHĐT ngày 13/10/2017 của Sở KH và ĐT		06/9/2019-03/05/2020
3	Kè chống sạt lở khu dân cư làng canh Phước	Canh Hòa	Đầu 13°44'31" 109°6'26" Cuối 13°44'37" 109°6'39"	0,66			2.852	2.530			Quyết định số 89/QĐ-SKHĐT ngày 28/02/2018 của Sở KH và ĐT	Số 316/QĐ-STC ngày 07/11/2019 của Sở Tài chính	15/7/2018-30/04/2019
X	HUYỆN TÂY SON												
1	Xây dựng đê sông Kon khối Thuận Nghĩa, thị trấn Phú Phong, Tây Sơn	Thị trấn Phú Phong		1,21			2.300	5.140	931		Quyết định số 101/QĐ-SKHĐT ngày 28/6/2017	Số 1543/QĐ-UBND tỉnh ngày 09/05/2019	29/7/2017-30/12/2017

TT	Tên Dự án/ hạng mục	Xã, phường, thị trấn	Vị trí (Tọa độ điểm đầu – cuối trên bản đồ Google Earth)	Chiều dài (km)	Tuyến đê bảo vệ diện tích (ha)	Tuyến đê bảo vệ số dân (người)	Nguồn vốn (triệu đồng)				Quyết định phê duyệt dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian khởi công – hoàn thành
							Trung ương	Tỉnh	Huyện	xã			
2	Khắc phục các đoạn kè sông Kon	Thị trấn Phú Phong		0,20			300		250		Quyết định số 208/QĐ-UBND huyện ngày 16/8/2017; Số 212/QĐ-UBND huyện ngày 25/8/2017 (bổ sung)	Quyết định số 457/QĐ-UBND huyện ngày 26/7/2019	18/8/2017-02/10/2017
XI	HUYỆN VĨNH THẠNH												
1	Kè suối nước Dơi làng 05, xã Vĩnh Kim	Xã Vĩnh Kim	14 ⁰ 01'06"- vĩ độ Bắc; 109 ⁰ 18'12"- kinh độ Đông	0,47	3	200	2.237,5	1.041	30	-	Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của Sở KH và ĐT	Đang trình thủ tục quyết toán	02/7/2018 - 29/4/2019
2	Kè chống xói lở dọc xuôi Xem và suối Tà Dinh làng 1,2,5,7 xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thuận	14 ⁰ 06'05"- 14 ⁰ 05'55 vĩ độ Bắc; 108 ⁰ 44'09"- 108 ⁰ 44'45" kinh độ Đông	0,40	15		3.380,4	0	7	3	Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 UBND huyện Vĩnh Thạnh		2020

TT	Tên Dự án/ hạng mục	Xã, phường, thị trấn	Vị trí (Tọa độ điểm đầu – cuối trên bản đồ Google Earth)	Chiều dài (km)	Tuyến đê bảo vệ diện tích (ha)	Tuyến đê bảo vệ số dân (người)	Nguồn vốn (triệu đồng)				Quyết định phê duyệt dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian khởi công – hoàn thành
							Trung ương	Tỉnh	Huyện	xã			
3	Khắc phục kè suối Tà Má xã Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	14 ⁰ 09'27"- 14 ⁰ 09'22" vĩ độ Bắc; 108 ⁰ 47'45"- 108 ⁰ 47'46" kinh độ Đông	0,11	10		999	0	0	0	Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 UBND huyện Vĩnh Thạnh	Đang trình thủ tục quyết toán	17/7/2019- 31/12/2019
4	Kè chống xói lở suối nước Máng, Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	14 ⁰ 06'28"- 14 ⁰ 11'22" vĩ độ Bắc; 108 ⁰ 47'49"- 108 ⁰ 47'12" kinh độ Đông	0,23	8	50	2.970,7	0	0	0	Quyết định số 346/QĐ-SKHĐT ngày 10/12/2013 của Sở KH và ĐT và 630/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND huyện Vĩnh Thạnh	Đang trình thủ tục quyết toán	8/2019- 12/2019
5	Kè chống xói lở suối nước Giang, xã Vĩnh Hảo, huyện Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Hảo	14 ⁰ 08'04"- 14 ⁰ 08'02" vĩ độ Bắc; 108 ⁰ 47'11"- 108 ⁰ 47'15" kinh độ Đông	0,34		209	3.400	0	0	0	Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 UBND huyện Vĩnh Thạnh	Đang trình thủ tục quyết toán	7/2019- 01/2020
6	Khắc phục kè Vĩnh Thuận, sa bồi, sạt lở	Xã Vĩnh Thuận	14 ⁰ 05'14" - 14 ⁰ 05'21" vĩ độ Bắc; 108 ⁰ 44'53"- 108 ⁰ 44'56" kinh độ Đông	0,22	16		1.813	0	0	0	Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 UBND huyện Vĩnh Thạnh	772/QĐ-UBND ngày 25/6/2018	4/9/2017- 28/11/2017

TT	Tên Dự án/ hạng mục	Xã, phường, thị trấn	Vị trí (Tọa độ điểm đầu – cuối trên bản đồ Google Earth)	Chiều dài (km)	Tuyến đê bảo vệ diện tích (ha)	Tuyến đê bảo vệ số dân (người)	Nguồn vốn (triệu đồng)				Quyết định phê duyệt dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian khởi công – hoàn thành
							Trung ương	Tỉnh	Huyện	xã			
7	Kè suối Nước Tung làng K4 xã Vĩnh Sơn	Xã Vĩnh Sơn	14°06'05"- 14°05'55 vĩ độ Bắc; 108°44'09"- 108°44'45" kinh độ Đông	0,16		111	983,9	0	983,94	0	Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Thạnh		2020
XII	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT												
1	Kè chống xói lở Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng	Phường Ghềnh Ráng	13°42'56.84"N 109°13'03.01"E Đến 13°42'52.00"N 109°13'03.06"E	0,18	5,0	200	8.287,4 9				Quyết định số 87/QĐ-SKHĐT ngày 06/6/2017	Quyết định số 97/QĐ-STC ngày 09/5/2018	2017-2018
2	Đê sông Hà Thanh, đoạn thường lưu cầu Diêu Trì, huyện Tuy Phước	Huyện Tuy Phước	13°43'54.46"N 109°04'47.79"E Đến 13°44'32.68"N 109°06'09.46"E	2,72	100,0	3.300	40.000				Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 30/10/2019		2019-2020
3	Đê, kè xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn		1,17	35,0	1.700	30.000				Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 26/4/2019		2019-2020

TT	Tên Dự án/ hạng mục	Xã, phường, thị trấn	Vị trí (Tọa độ điểm đầu – cuối trên bản đồ Google Earth)	Chiều dài (km)	Tuyến đê bảo vệ diện tích (ha)	Tuyến đê bảo vệ số dân (người)	Nguồn vốn (triệu đồng)				Quyết định phê duyệt dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian khởi công – hoàn thành
							Trung ương	Tỉnh	Huyện	xã			
4	Kè xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn	13 ⁰ 46'21''N 109 ⁰ 17'34''E Đến 13 ⁰ 45'48''N 109 ⁰ 17'27''E	1,27	30,0	3.500	75.000				Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 21/01/2020		2020-2021
5	Xử lý cấp bách đê, kè sông Côn	Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định		5,30	90,0	5.440	50.000				Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 (QĐ phê duyệt chủ trương)		2020
6	Xử lý sạt lở cấp bách sông Côn đoạn qua thị xã An Nhơn và sông Cạn huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Thị xã An Nhơn và huyện Phù Mỹ		3,00	124,0	3.550	50.000				Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 (QĐ phê duyệt chủ trương)		2020
7	Sửa chữa cấp bách đê sông La Tinh đoạn thượng lưu đập Cây Ké, huyện Phù Cát, Phù Mỹ	Huyện Phù Cát và huyện Phù Mỹ		2,50	62,0	1.900	23.400				Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 (QĐ phê duyệt chủ trương)		2020
	Tổng			55,45	3.854,0	54.618	442.856	76.076	71.660	12.860			

PHỤ LỤC II

Danh mục các vị trí, tuyến đê trọng điểm xung yếu đề xuất hỗ trợ kinh phí để gia cố cấp bách

(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /3/2020 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên Dự án/ hạng mục	Xã, phường, thị trấn/ huyện, thị xã, thành phố	Chiều dài (km)	Tuyến đê bảo vệ diện tích (ha)	Tuyến đê bảo vệ số dân (người)	Tính xung yếu của trọng điểm	Sơ bộ giải pháp kỹ thuật	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Đê sông Gò Chàm đoạn thượng hạ lưu cầu Phú Đa	Tuy Phước, An Nhơn	7,0				Cắm móc hành lang thoát lũ, gia cố, xây dựng tuyến đê Gò Chàm	100
2	Đê kè chống sạt lở bờ biển thôn Phú Hà - Phú Thứ	Mỹ Đức, Phù Mỹ	0,8	15	2.000		Xây dựng tuyến kè	38
3	Đê Xuân Phong Nam, Vạn Long và ngã ba nước Giáp	An Hòa	2,0				Nâng cao trình đê, kiên cố mái đê	19
4	Kè bảo vệ khu dân cư dọc bờ sông Hoài Hải	Hoài Hải, Hoài Nhơn	1,0		7.000		Xây dựng tuyến kè	32
5	Kè chống xói lở và hệ thống ngăn mặn thôn Trường Xuân Tây	Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn	3,4				Xây dựng tuyến kè	85
6	Kè chống xói lở bờ sông, biển Hoài Hương – Hoài Thanh	Hoài Hương Hoài Thanh	2,0				Xây dựng tuyến kè	55

TT	Tên Dự án/ hạng mục	Xã, phường, thị trấn/ huyện, thị xã, thành phố	Chiều dài (km)	Tuyến đê bảo vệ diện tích (ha)	Tuyến đê bảo vệ số dân (người)	Tính xung yếu của trọng điểm	Sơ bộ giải pháp kỹ thuật	Kinh phí (tỷ đồng)
7	Đê ngăn mặn Đồng Sát thôn Gia An Đông (đoạn phía Nam đập ông Khéo đến hồ ông Điệp)	Hoài Châu Bắc, Hoài Nhơn	1,0	100			Xây dựng tuyến kè	27
8	Đê ngăn mặn đoạn từ hồ ông Điệp đến Cầu Gia An	Hoài Châu Bắc, Hoài Nhơn	1,5				Xây dựng tuyến kè	9
9	Kè Thôn 8 Tây, thôn 9, xã Mỹ Thắng	Mỹ Thắng, Phù Mỹ	1,0				Kè dọc theo bờ biển	25
10	Kè Thôn Tân Phụng 1- Tân Thành, xã Mỹ Thọ	Mỹ Thọ, Phù Mỹ	1,0				Kè dọc theo bờ biển	25
11	Kè Thôn Xuân Thạnh - Xuân Thạnh Nam, xã Mỹ An	Mỹ An, Phù Mỹ	1,0				Kè dọc theo bờ biển	25
12	Kiên cố tuyến đê sông Cây Me	Phước Sơn, Phước, Phước Hiệp, huyện Tuy Phước	3,9				Nâng cấp tuyến đê	36
13	Nâng cấp sửa chữa Trần Dương Thiện	Phước Sơn, Tuy Phước	0,4				Nâng cấp, sửa chữa phục vụ ngăn mặn giữ ngọt và thoát lũ	70
	Tổng cộng		26,0	115,0	9.000,0			546